

Số: 16 /2020/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên,
vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày
14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/ND-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ Quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể
thao được tập trung tập huấn và thi đấu;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ
Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện
viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12
năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du
lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;*

*Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận
động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao; báo cáo thẩm tra của Ban
văn hóa – xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thời điểm áp dụng: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 29/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2021. Các chính sách trong Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./. ~~***~~

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa TDTT;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VBQPPL*);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh; Trang TTĐT Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT.

(Để báo cáo)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hiển

QUY ĐỊNH

Một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND

ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao, gồm:

1. Đội tuyển tỉnh.
2. Đội tuyển trẻ tỉnh.
3. Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh.
4. Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện, ngành; giải thể thao cấp huyện, ngành và cấp cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang đào tạo, huấn luyện tại Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh.
2. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang làm nhiệm vụ tập luyện, tập huấn, thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục thể thao năm 2018.
3. Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và giải thể thao các cấp.
4. Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ; các lực lượng đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Thời gian tính chi trả chế độ tiền công, khen thưởng và các chế độ khác cho huấn luyện viên, vận động viên, các tổ chức, cá nhân liên quan tại quy định này được tính theo quyết định triệu tập, hợp đồng của cấp có thẩm quyền.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện thường xuyên bao gồm:

1. Thời gian tập luyện, huấn luyện ở trong nước: Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập luyện, huấn luyện thường xuyên theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mức chi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển tỉnh	220.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	175.000

2. Tập luyện, huấn luyện ở nước ngoài: Là số ngày thực tế theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền trên cơ sở thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thể thao ở trong nước với nước ngoài. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên cân đối trong khuôn khổ dự toán ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp thể dục thể thao được cấp có thẩm quyền thông báo đầu năm. Trong thời gian tập luyện ở nước ngoài, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng

Vận động viên thể thao của tỉnh Hải Dương được hưởng chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng theo tính chất đặc thù của từng môn thi đấu. Cụ thể:

1. Vận động viên đội tuyển của tỉnh: 3.000.000 đồng/vận động viên/năm.
2. Vận động viên đội tuyển của tỉnh tham gia Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc: 5.000.000 đồng/vận động viên/tháng, thời gian hưởng 03 tháng/vận động viên/ năm.

Điều 6. Thưởng đột xuất (tại chỗ) cho các huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích huy chương vàng tại các kỳ Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc

1. Đối với huấn luyện viên: 10.000.000 đồng/huy chương vàng.
2. Đối với vận động viên: 15.000.000 đồng/huy chương vàng.

Điều 7. Vận động viên đạt một trong các nội dung sau (*hỗ trợ cho 1 nội dung vận động viên đạt được thành tích cao nhất*): Huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia, đạt huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á (Seagame), vô địch Đông Nam Á trở lên, được hỗ trợ thêm theo ngày thực tế tập luyện, thời gian duy trì trong hai năm (24 tháng) kể từ sau khi có quyết định hoặc giấy chứng nhận thành tích. Cụ thể: 150.000 đồng/vận động viên/ngày.

Điều 8. Thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên tại giải quốc gia, quốc tế

1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, Châu Á, Đông Nam Á, Quốc gia được hưởng mức thưởng bằng tiền như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao				
1	Đại hội Olympic	75	45	30	45
2	Đại hội thể thao châu Á	45	30	25	40
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á	30	25	15	30
4	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	30	25	15	20
II	Giải vô địch thể giới từng môn				
1	Nhóm I	45	30	25	40
2	Nhóm II	40	25	22	30
3	Nhóm III	35	22	20	20
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	30	25	15	30
2	Nhóm II	27	22	13	20
3	Nhóm III	25	20	10	15
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	25	15	10	20
2	Nhóm II	22	13	8	15
3	Nhóm III	20	10	7	10
V	Giải vô địch quốc gia từng môn thể thao				
1	Nhóm I	25	15	10	20
2	Nhóm II	22	13	8	15
3	Nhóm III	20	10	7	10

Môn thể thao nhóm I, nhóm II, nhóm III quy định trên cơ sở các môn thể thao được đưa vào chương trình thi đấu Olympic, Đại hội thể thao châu Á và các giải thi đấu thể thao quốc tế khác.

2. Vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thể giới, cúp Châu Á và cúp Đông Nam Á; giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, Đông Nam Á, cúp quốc gia, xuất sắc toàn quốc,

vô địch trẻ toàn quốc, học sinh, sinh viên được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng dành cho đại hội, giải vô địch của môn thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới, trẻ châu Á, trẻ Đông Nam Á, trẻ quốc gia có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đôi, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao được hưởng mức thưởng như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên;

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên;

c) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 9. Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao

1. Tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh

a) Tiền ăn của Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 150.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền làm nhiệm vụ

Đơn vị: đồng/người/buổi

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	95.000
2	Thành viên tiểu ban chuyên môn	70.000
3	Giám sát, trọng tài chính	70.000
4	Thư ký, trọng tài khác	60.000
5	Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	50.000

c) Trường hợp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toán được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

d) Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ Ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiêu ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao của tỉnh thì không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

2. Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh

a) Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh với các cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật.

b) Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ

Đơn vị: đồng/người/buổi

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Người tham gia tập luyện	35.000
2	Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	45.000
3	Người tham gia biểu diễn chính thức	80.000
4	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	70.000

3. Tại Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện, ngành; giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở

Mức chi đối với đại hội thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức tùy theo điều kiện kinh phí của cấp huyện, ngành và cơ sở nhưng không vượt quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp huyện, ngành và không vượt quá 50% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp cơ sở.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao cấp tỉnh được bố trí trong dự toán của sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch hàng năm.

b) Nguồn kinh phí thực hiện chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao cấp huyện, ngành và cấp cơ sở được bố trí trong dự toán ngân sách cùng cấp theo hạn mức hàng năm.

2. Khuyến khích các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao. ~~th~~



Nguyễn Mạnh Hiến